**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN Đ**
**TỈNH GL**
Số: 26/2018/HSST.
Ngày: 10/8/2018.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH GL**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Viết Minh Quân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Chín.

Ông Lê Văn Do.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Võ Thị Mỹ Vương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh GL.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh GL tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Xuân Kỳ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 8 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh GL xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 25/2018/TLST-HS, ngày 22 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2018/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo:

**P**; Sinh năm: 1996, tại tỉnh GL; Nơi ĐKNKTT: Làng KPĐ, xã HĐ, huyện Đ, tỉnh GL; Chỗ ở hiện nay: Làng KPĐ, xã HĐ, huyện Đ, tỉnh GL; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Banar; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông P, sinh năm: 1967 và con bà G (đã chết). Gia đình bị cáo có 06 anh chị em, lớn nhất sinh năm 1987, nhỏ nhất sinh năm 1999, bị cáo là con thứ 5 trong gia đình. Bị cáo chưa có vợ; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ tạm giam từ ngày 09/5/2017 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Chị Trần Thị Thu T, sinh năm: 1984.

Trú tại: Tổ dân phố 5, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh GL. Vắng mặt.

2. Anh Đàm Văn L, sinh năm: 1972.

Trú tại: Trú tại: Tổ dân phố 5, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh GL. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh L, sinh năm: 1981.

Trú tại: Làng KPĐ, xã HĐ, huyện Đ, tỉnh GL. Vắng mặt.

2. Anh P, sinh năm: 1967.

Trú tại: Làng KPĐ, xã HĐ, huyện Đ, tỉnh GL. Có mặt.

3. Chị P, sinh năm: 1984.

Trú tại: Làng KPĐ, xã HĐ, huyện Đ, tỉnh GL. Vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Lê Đ, sinh năm: 1956.

Trú tại: Thôn 2, xã TB, huyện Đ, tỉnh GL. Vắng mặt

2. Gơih, sinh năm: 1996.

Trú tại: Làng KPĐ, xã HĐ, huyện Đ, tỉnh GL. Vắng mặt.

3. Anh Trần Văn K, sinh năm: 1991.

Trú tại: Thôn 5, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh GL. Vắng mặt.

- Người phiên dịch: Ông Đinh H'Nan – Cán bộ hưu trí. Có mặt.

**NHẬN THẤY;**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 07 giờ 00 phút ngày 26/4/2017, P điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Sirius, số máy 5C62023166, số khung 207Y023166, gắn biển số 81T4-4766 đi từ xã HĐ, huyện Đ đến thị trấn Đ, huyện Đ thì xe bị hỏng. P điều khiển xe mô tô của mình đến tiệm của anh Trần Văn K tại thôn 5, thị trấn Đ, huyện Đ để sửa. Sau khi giao xe cho anh K, P đi bộ đến khu vực Trung tâm thương mại thị trấn Đ, huyện Đ để thuê xe thồ chở về nhà. Lúc này, thấy anh Đàm Văn L làm nghề chạy xe thồ đang đứng đón khách nên P nói anh L chở về làng C, xã Đ, huyện Đ với số tiền 150.000 đồng thì anh L đồng ý. Khi anh L chở P đến địa phận làng A Droach, xã ĐakSơmei, huyện Đ thì P nói với anh L dừng xe lại để đi vệ sinh. Trong lúc P đi vệ sinh thì anh L cũng đi vệ sinh cách nơi dừng xe mô tô khoảng 10 mét. Sau khi đi vệ sinh xong, P quay lại vị trí dừng xe, thấy chìa khóa vẫn cắm trên ổ khóa và không thấy anh L nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe này. P liền ngồi lên xe, nổ máy và quay đầu xe chạy về hướng làng Đê Gỗ, xã ĐakSơmei, huyện Đ. Cùng lúc đó anh L quay lại phát hiện nên đã tri hô và chạy bộ đuổi theo nhưng không kịp. P điều khiển xe chiếm đoạt được của anh L đi về nhà rồi thay biển số 81K4-6656 vào để sử dụng. Ngày 28/4/2017, P điều khiển chiếc xe mô tô chiếm đoạt của anh L chở bạn là G đi đến tiệm sửa xe của anh Trần Văn K để lấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Sirius gắn biển số 81T4-4766 mà P đã mang đến để sửa. Ngày 03/5/2017, anh Đàm Văn L trình báo sự việc trên đến Công an huyện Đ và mô tả đặc điểm xe mô tô bị mất có phuộc nhún màu vàng đỏ. Qua điều tra, xác minh, vào ngày 09/5/2017, khi Pt đang sử dụng chiếc xe mô tô chiếm đoạt của anh L và gắn

biển số 81K4-6656 thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ phát hiện, bắt giữ cùng tang vật. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã tiến hành khám xét khẩn cấp nhà của P và thu giữ các tang, tài vật L quan gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu Sirius, số máy 5C62023166, số khung 207Y023166, gắn biển số 81T4-4766; 01 biển số 81C1-046.17; 01 mũ lưỡi trai màu đen; 01 quần Jean màu xanh; 01 áo thun màu đen; 01 áo khoác da màu đen; 01 áo thun màu đỏ; 01 áo sơ mi tay dài màu tím; 01 quần vải màu đỏ; 02 quần Jean lửng dài 50cm; 01 ba lô màu đen và 01 máy tính bảng nhãn hiệu Ipad màu trắng.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 26 ngày 15/5/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện Đ kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số máy 55P1069647, số khung: 10CY069632 trị giá 20.000.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định nguồn gốc xe mô tô nhãn hiệu Sirius, số máy 5C62023166, số khung 207Y023166, gắn biển số 81T4-4766 là của chị Trần Thị Thu T bị mất trộm ngày 10/8/2016. Qua đấu tranh, bị cáo P khai nhận đã thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô trên của chị T. Cụ thể như sau:

Trong thời gian trước tháng 8 năm 2016, P có đến làm thuê và ở tại nhà rẫy của ông Lê Đ tại Thôn 2, xã TB, huyện Đ, tỉnh GL. Thời gian này, P có sử dụng chiếc xe mô tô không biển số, kiểu dáng Dream làm phương tiện đi lại. Khoảng 14 giờ ngày 10/8/2016, P điều khiển xe mô tô Dream không biển số của mình đi đến cửa hàng lạc xoong Thu T tại số 49 Đinh Tiên Hoàng thuộc Tổ dân phố 5, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh GL để mua đồ. Sau khi mua xong, P phát hiện xe mô tô nhãn hiệu Sirius biển số 81K7-7371 của chị Trần Thị Thu T đang dựng phía trước cửa hàng. Lúc này, trên xe vẫn cắm chìa khóa và không có người trông coi nên P nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe này. Sau khi quan sát không thấy ai để ý, P đi lại bật chìa khóa nổ máy rồi điều khiển chiếc xe 81K7-7371 của chị T đi và để lại chiếc xe mô tô của mình tại đây. P điều khiển xe lấy trộm của chị T đi về nhà rẫy của ông Lê Đ rồi tháo biển số 81K7-7371 cất giấu và lấy biển số xe 81T4-4766 mà P cất giấu trước đó gắn vào xe để sử dụng. Gia đình chị T sau khi phát hiện mất xe mô tô đã trình báo sự việc đến Công an huyện Đ và giao nộp chiếc xe mô tô mà P để lại. Ngày 01/6/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã truy tìm và thu giữ chiếc biển số 81K7-7371 tại nhà của ông Lê Đ.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 35 ngày 19/7/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện Đ kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển số 81K7-7371, số máy 5C62023166, số khung: 207Y023166 có trị giá 7.500.000 đồng.

Tại Cáo trạng số: 17$^{A}$/CT-VKS ngày 22/6/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh GL truy tố bị cáo P về tội "Công nhiên chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 172 và tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật như nội dung bản cáo trạng

đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo P phạm tội "Công nhiên chiếm đoạt tài sản" và "Trộm cắp tài sản" và đề nghị.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 172; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo P từ 12 tháng đến 15 tháng tù về tội "Công nhiên chiếm đoạt tài sản".

- Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo P từ 09 tháng đến 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

- Áp dụng: Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015 tổng hợp hình phạt buộc bị cáo P chấp hành hình phạt chung cho cả 02 tội từ 21 tháng đến 27 tháng tù. Ngoài ra, vị đại diện Viện kiểm sát cũng đề nghị xử lý về vật chứng và án phí.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, Kiểm sát viên của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Tại phiên toà hôm nay, sau khi Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ công bố bản cáo trạng thì bị cáo P đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị hại, tang vật vụ án được thu giữ, phù hợp với kết luận điều tra của cơ quan Công an huyện Đ, với bản Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ và với các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo P đã phạm tội "Công nhiên chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 172 và tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

[3] Xét về tính chất của vụ án và hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy rằng: Quyền sở hữu về tài sản của công dân là bất khả xâm phạm, luôn được pháp luật tôn trọng và bảo vệ, mọi hình vi xâm phạm bất hợp pháp đều bị pháp luật trừng trị. Bản thân bị cáo biết rõ điều đó, nhưng chỉ vì ham muốn có phương tiện đi lại và muốn có tiền tiêu xài bản thân không phải bằng chính sức lao động của mình nên khi thấy anh Đàm Văn L sơ hở trong việc quản lý tài sản của mình thì bị cáo đã chiếm đoạt chiếc xe mô tô BKS 81C1-046.17 trị giá 20.000.000 đồng của anh L rồi nhanh chóng tẩu thoát làm cho anh L không kịp phản ứng và đuổi theo. Hành vi

trên của bị cáo P đã phạm vào tội "Công nhiên chiếm đoạt tài sản". Không dừng lại ở đó, khi phát hiện xe mô tô nhãn hiệu Sirius BKS 81K7-7371 trị giá 7.500.000 đồng của chị Trần Thị Thu T đang dựng phía trước cửa hàng lạc xoong của chị T, trên xe vẫn cắm chìa khóa và không có người trông coi thì bị cáo đã lén lút chiếm đoạt chiếc xe mô tô trên của chị T. Hành vi trên của bị cáo P đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản". Hành vi phạm tội của bị cáo P là táo bạo, liều lĩnh, bất chấp pháp luật và nguy hiểm cho xã hội. Vì vậy cần xử bị cáo với mức án nghiêm theo khoản 1 Điều 172 và khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

[4] Tuy nhiên Hội đồng xét xử xem xét: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên toà hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Riêng đối với tội "Công nhiên chiếm đoạt tài sản" thì bị cáo được hưởng thêm tình tiết quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 là bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho người bị hại. Tuy nhiên dù giảm nhẹ đến đâu cũng cần có một mức án nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để các bị cáo cải tạo thành người có ích và đảm bảo tính giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

Đối với anh G, ông Lê Đ, anh L và chị P hoàn toàn không biết việc bị cáo P thực hiện hành vi phạm tội nên không có cơ sở để xử lý về những hành vi liên quan là phù hợp.

Đối với 01 xe mô tô kiểu dáng Dream mà bị cáo P sử dụng làm phương tiện phạm tội, qua điều tra xác định: Chiếc xe này do ông P là cha của bị cáo P phát hiện bị vứt bỏ tại khu vực núi thuộc xã HĐ, huyện Đ vào khoảng năm 2015 nên mang về sử dụng. Khi ông P phát hiện và nhặt được thì chiếc xe này đã không còn biển số. Chiếc xe này được đăng ký vào ngày 27/8/2002, có biển số đăng ký là: 82K3-8003, số máy 10088528, số khung 200136 và người chủ xe tên Nguyễn Đình N, địa chỉ tại Thôn 11, xã ĐH, huyện ĐH, tỉnh KT. Hiện ông N đã chết và gia đình xác nhận đã bán xe cho người khác nhưng không nhớ lai lịch của người mua xe. Đây là phương tiện bị cáo đã sử dụng trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội, nhưng lại do cha của bị cáo nhặt được. Hiện chưa xác định được chủ sở hữu và lý do chiếc xe này bị bỏ lại trong rừng, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ quyết định tách riêng để tiếp tục điều tra và xử lý theo quy định là phù hợp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với chiếc biển số 81K4-6656, qua điều tra xác định: Đây là biển số của chiếc xe mô tô nhãn hiệu Violet do anh L (Sinh năm 1981, trú tại làng KPD, xã HĐ, huyện Đ, tỉnh GL) mua lại của người khác. Vào khoảng năm 2015, anh cho P mượn chiếc xe mô tô biển số 81K4-6656 để sử dụng. P đã tháo chiếc biển số biển số 81K4-6656 của chiếc xe ra cất giấu rồi trả lại chiếc xe cho anh L. Bị cáo P đã dùng biển số 81K4-6656 để gắn vào xe mô tô phạm tội mà có anh L không biết nên không có cơ sở để xử lý. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã quyết định xử lý vật chứng trả lại cho anh L là phù hợp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 01 mũ lưỡi trai màu đen; 01 quần Jean màu xanh; 01 áo thun màu đen; 01 áo khoác da màu đen; 01 áo thun màu đỏ; 01 áo sơ mi tay dài màu tím; 01 quần vải màu đỏ; 02 quần Jean lửng dài 50cm và 01 ba lô màu đen, quá trình điều tra xác định các tài sản trên thuộc sở hữu của bị cáo P và không L quan đến hành vi phạm tội. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bị cáo P là phù hợp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 01 máy tính bảng nhãn hiệu Ipad màu trắng, quá trình điều tra xác định đây là tài sản do bị cáo P mượn của chị P, không L quan đến hành vi phạm tội của bị cáo. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chị P là phù hợp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về dân sự:

- Anh Đàm Văn L đã nhận lại tài sản bị mất và yêu cầu bị cáo P bồi thường 100.000 đồng tiền xe mà P thuê chở từ huyện Đ về nhà cùng với 900.000 đồng chi phí tìm kiếm xe và thu nhập bị mất trong những ngày không có xe để hành nghề. Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường số tiền 1.000.000 đồng như anh L yêu cầu. Anh L đã nhận đủ số tiền trên và tại phiên tòa hôm nay anh L không có yêu cầu gì thêm về phần dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Chị Trần Thị Thu T đã nhận lại tài sản bị mất và trong đơn xin xét xử vắng mặt chị T không có yêu cầu gì về phần dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Anh L không biết việc bị cáo P sử dụng chiếc biển số 81K4-6656 trong quá trình thực hiện tội phạm và không có yêu cầu gì về phần dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về vật chứng:

Đối với biển số 81T4-4766, qua điều tra xác định: Đây là biển số của chiếc xe mô tô do chị P (Sinh năm 1994, là chị ruột của bị cáo P) mua lại để sử dụng. Sau đó, do xe bị hư hỏng nên đã bán phế liệu nhưng P đã giữ lại chiếc biển số 81T4-4766. Bị cáo P đã dùng biển số 81T4-4766 gắn vào xe mô tô chiếm đoạt của chị Trần Thị Thu T sử dụng làm phương tiện đi lại. Trong quá trình điều tra chị P không có yêu cầu gì đối với chiếc bản số này và xét không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Về án phí: Bị cáo P phải chịu án phí HSST theo luật định.

Vì các lẽ trên:

## QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo **P** phạm tội "**Công nhiên chiếm đoạt tài sản**" và **"Trộm cắp tài sản"**.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 172; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo P 15 (Mười lăm) tháng tù về tội "Công nhiên chiếm đoạt tài sản".

- Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo P 09 (Chín) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

- Áp dụng: Điều 55 Bộ luật hình sự 2015 để tổng hợp hình phạt của hai tội:

Bị cáo P phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội: tội "Công nhiên chiếm đoạt tài sản" và tội "Trộm cắp tài sản" là 24 (Hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 09/5/2017.

- Căn cứ: Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Xử tịch thu tiêu hủy 01 biển số 81T4-4766.

Theo biên bản giao nhận vật chứng giữ Công an huyện Đ với Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, ngày 06 tháng 6 năm 2018.

- Căn cứ: Điều 135; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo P phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm ngàn đồng)* tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 10/8/2018) bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền làm đơn kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh GL để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND nơi cư trú./.

**Nơi nhận:**
- TAND tỉnh GL.
- VKSND tỉnh GL.
- VKSND huyện Đ.
- CA huyện Đ.
- Chi cục THADS huyện Đ.
- Bị cáo.
- Bị hại.
- Người có QLNVLQ đến vụ án.
- L hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**
*(Đã ký)*
**Bùi Viết Minh Quân**